

Câu 1: Lệnh nào sau đây không thuộc vào nhóm chuyển dữ liệu:

- a. LEA
- b. MOV
- c. XCHG
- d. ADD

Câu 2: Khi khởi động, vi xử lý sẽ đọc dữ liệu từ đâu trước?

- a. Ổ đĩa cứng
- b. RAM
- c. Đĩa khởi động
- d. ROM-BIOS

Câu 3: Khi dùng chế độ địa chỉ tương đối cơ sở thì kích thước của giá trị dịch chuyển được xác định từ đâu?

- a. Trường MOD
- b. Trường R/M
- c. Mã lệnh
- d. Trường REG

Giải:

- Trường R/M để mã hóa chế độ địa chỉ
- Mã lệnh: opcode
- Trường REG để mã hóa thanh ghi

Câu 4: Cờ nào xác định hướng tăng/giảm chỉ số của các lệnh chuyển xâu ký tự:

- a. OF
- b. CF
- c. DF
- d. IF

Câu 5: Cho IP = 0001h; DS = 0100h; SS = 0002h; BP = 0100h

Địa chỉ vật lý của ô nhớ được truy cập trong lệnh MOV AL, [BP + 3] là:

- a. 00113h
- b. 01103h
- c. 00123h
- d. Cả 3 phương án trên

Giải: $SS : [BP + 3] = SS * 16 + BP + 3 = 0002h * 16 + 0100h + 3 = 00123h$

Câu 6: Đầu là địa chỉ đỉnh stack:

- a. SS : SP
- b. CS : IP
- c. DS : 1000h
- d. Không có

Câu 7: Nếu SS = 1020h; SP = 0100h thì địa chỉ vật lý đỉnh stack bằng bao nhiêu?

- a. 10300h
- b. 1120h
- c. 02020h
- d. 0F20h

Giải: Địa chỉ vật lý đỉnh stack = $SS * 16 + SP = 1020h * 16 + 0100h = 10300h$

Câu 8: Giả sử cổng vào của 8088 có địa chỉ là 7000h. Lệnh để đọc dữ liệu từ cổng đó có thể là lệnh nào sau đây:

- a. MOV DX, 7000h và IN DX, AL
- b. IN 7000h, AL
- c. MOV DX, 7000h và IN AL, DX
- d. IN AL, 7000h

Câu 9: Lệnh nào sau đây để kiểm tra tính bằng 0 của thanh ghi AL?

- a. XOR AL, AL
- b. CMP AL, AL
- c. TEST AL, AL
- d. AND AL, 0

Câu 10: Cho biết giá trị của thanh ghi sau đoạn chương trình sau:

```
CLC ; set CF = 0
MOV AX, 0F978h
SHL AH, 1
ADC AL, 02h
```

- a. F27Ah
- b. F27Bh
- c. E97Bh
- d. E27Ah

Giải:

```
MOV AX, 0F978h -> AH = F9h; AL = 78h
SHL AH, 1 -> 1111 0010 = F2h; CF = 1
ADC AL -> AL = 78h + 02h + 1h = 7Bh
```

Câu 11: Chọn lệnh nhảy phù hợp để nhảy đến đoạn xử lý BX khác AX sau lệnh **XOR AX, BX**:

- a. JNZ
- b. JZ
- c. JC

d. JNC

Câu 12: Giá trị các bit của thanh ghi CL sau khi thực hiện

MOV CL, 35

- a. 00110101
- b. 00100101
- c. 01000011
- d. Cả 3 phương án trên đều sai

Giải: 35 (10) = 0010 0011 (2)

Câu 13: Câu lệnh **MOV AL, [BX]** sử dụng chế độ địa chỉ nào?

- a. Thanh ghi
- b. Gián tiếp qua thanh ghi
- c. Tương đối cơ sở
- d. Tương đối chỉ số

Câu 14: Cho BX = 0002h, có thể dùng lệnh hay tổ hợp các lệnh nào sau đây để kiểm tra tính chia hết cho 2 của ô nhớ đã được gán vào AX:

- a. TEST AX, 1
- b. TEST AL, 1
- c. DIV BX and CMP DX, 0
- d. Cả 3 phương án trên

Câu 15: Lệnh nào dùng để kiểm tra bit 2 của AL:

- a. TEST AL, 4
- b. AND AL, 0FBh
- c. OR AL, 4
- d. XOR AL, 4

Câu 16: Cho BX = 0004h và các byte trong bộ nhớ

DS : 0000 = 00h
DS : 0001 = 5Ah
DS : 0002 = 47h
DS : 0003 = C1h
DS : 0004 = 50h
DS : 0005 = 1Ah
DS : 0006 = B8h
DS : 0007 = 90h

Lệnh **MOV AX, [BX + 2]** cho AX bằng bao nhiêu?

- a. 1AB8h
- b. B81Ah
- c. B890h
- d. 90B8h

Giải: AL = DS : [BX + 2]
AH = DS : [BX + 3]

Câu 17: Cho biết số lần thay đổi giá trị thanh ghi CL trong đoạn lệnh sau:

```
MOV CX, 0100h
LAP: MOV CL, 2
      LOOP LAP
```

- a. 259
- b. 258
- c. 260
- d. Vô cùng

Câu 18: Cho biết giá trị thanh ghi AX sau khi thực hiện chương trình:

```
MOV CX, 2
MOV AX, 255
```

```
DICH: SAL AX, CL
      LOOP DICH
```

- a. 252
- b. 03F8h
- c. 07F0h
- d. Tất cả đều sai

Giải:

CL = 2

AX = 0000 0000 1111 1111

Tổng số lần dịch trái AX = 2 + 1 = 3

-> AX = 0000 0111 1111 1000 = 07F8h

Câu 19: Cho DS = 1A2Dh; SS = 4123h; SI = 110Ch; BP = 1002h.

Địa chỉ logic của ô nhớ [BP] [SI] + 30 là:

- a. 1A2Dh : 210Eh
- b. 4123h : 212Ch
- c. 1A2Dh : 212Ch
- d. 4123h : 213Eh

Giải:

SS : [BP] [SI] + 30 = 4123h : 1002h + 110Ch + 1Eh = 4123h : 212Ch

Câu 20: Câu lệnh **MOV DL, [BX + 2]**, sử dụng chế độ địa chỉ nào?

- a. Gián tiếp qua thanh ghi
- b. **Tương đối cơ sở**
- c. Tương đối chỉ số cơ sở
- d. Tức thì